

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 43/2020/HSST

Ngày: 03/7/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ánh Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Quang Truyền

2. Ông Võ Xuân Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan, Thư ký Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 03 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 47/2020/HSST ngày 03 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn C** (Tên gọi khác: Văn), sinh ngày 16/6/1992; tại tỉnh Ninh Bình. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Xóm 7, xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình và nơi cư trú hiện nay: Ấp Suối Muôn, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Nghề nghiệp: không có. Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Phụng, sinh năm 1973 (đã chết) và bà Phạm Thị Hạnh, sinh năm 1973; có vợ là Phan Thị Thu Hoài, sinh năm 1997; có 01 người con. Tiền án: không có; Tiền sự: không có. Bị cáo bị tạm giữ ngày 19/02/2020, tạm giam ngày 29/02/2020 đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị Gái T, sinh năm 1969; trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bà Trang Thị Ph, sinh năm 1962; trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1980; trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
4. Chị Trương Thị Cẩm T, sinh năm 2001; Trú tại: ngụ ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
5. Bà Huỳnh Ngọc Đ, sinh năm 1964; Trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
6. Chị Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1989; Trú tại: ấp Long Hải, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
7. Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1961; Trú tại: ấp Trường Phước, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
8. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1962; Trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
9. Anh Trần Gia M, sinh năm 2001; Trú tại: ấp Long Hải, xã Trường Tây, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
10. Bà Lê Thị D, sinh năm 1958; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
11. Chị Ngô Thị Cẩm Ch, sinh năm 1994; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
12. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
13. Chị Đặng Thị Thảo A, sinh năm 1983; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
14. Chị Phan Thị Oanh K, sinh năm 1987; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
15. Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1975; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, Thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
16. Chị Phạm Hồng H, sinh năm 1979; Trú tại: ấp Trường Thọ, xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
17. Chị Trần Kim Th, sinh năm 1989; Trú tại: ấp Trường An, xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
18. Bà Huỳnh Thị Bé H, sinh năm 1963, Trú tại: ấp Trường Phước, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
19. Chị Võ Thị Lệ Th, sinh năm 1975, trú tại: ấp Trường Ân, xã Trường Đông, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
20. Chị Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1982, trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

21. Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1993, Trú tại: ấp Trường Phước, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
22. Chị Phạm Thị Kiều Ph, sinh năm 1983, trú tại: khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
23. Chị Lê Thu V , sinh năm 1986, trú tại: ấp Thanh Hùng, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
24. Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1958, Trú tại: ấp Xóm Khách, xã Long Giang, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
25. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, trú tại: ấp Tân Lập, xã Tiên Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
26. Chị Trương Ngọc Á, sinh năm 1967, trú tại: ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
27. Chị Trần Thị Mai Th, sinh năm 1979; Trú tại: khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
28. Chị Ngô Thị Ngọc Bí, sinh năm 1974, trú tại: khu phố Long Chí, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
29. Chị Phan Thị Anh Th, sinh năm 1971, Trú tại: ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
30. Chị Võ Thị Mỹ Ch, sinh năm 1970, trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
31. Bà Hồ Thị Tuyết Tr, sinh năm 1964, trú tại: ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
32. Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1962, trú tại: ấp Long Hải, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
33. Chị Đỗ Thị Linh Tr, sinh năm 1973, trú tại: ấp Trường Phước, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
34. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1986, trú tại: khu phố Long chí, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
35. Chị Ngô Tính N, sinh năm 1992, trú tại: khu phố Long Chí, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
36. Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1980, trú tại: khu phố Long Thành, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
37. Chị Hà Thị Ng, sinh năm 1974, trú tại: ấp Trường An, xã Trường Tây, thị xã Hòa Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
38. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1981; Trú tại: Ấp Bên Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

39. Chị Phạm Thị Bích Th, sinh năm 1967; Trú tại: Ấp Thanh Phước, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
40. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp Xóm Mới 1, xã Trí Bình, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
41. Chị Đặng Thị Y, sinh năm 1973; Trú tại: Khu phố 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
42. Chị Phạm Thị Ng, sinh năm 1967; Trú tại: Khu phố 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
43. Chị Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1972; Trú tại: Khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
44. Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1978; Trú tại: Khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
45. Chị Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố 4, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
46. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1975; Trú tại: Ấp Thanh Đông, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
47. Chị Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1976; Trú tại: Ấp Bến Sỏi, xã Thành Long, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
48. Chị Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1993; Trú tại: Ấp Thanh An, xã An Bình, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
49. Chị Đặng Thị Ph, sinh năm 1964; Trú tại: Ấp Thanh Đông, xã Thanh Điền, huyện Châu Thành, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
50. Chị Phạm Thị Trúc Th, sinh năm 1978; Trú tại: Ấp Kinh Tế, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
51. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; Trú tại: Ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
52. Chị Phan Tường D, sinh năm 1981; Trú tại: Ấp Giồng Cà, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
53. Chị Bùi Thị Hồng Ph, sinh năm 1994; Trú tại: Ấp Giồng Tre, xã Bình Minh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
54. Chị Lê Thị Bích Th, sinh năm 1987; Trú tại: Ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
55. Bà Lê Thị R, sinh năm 1963; Trú tại: Ấp Cẩm Long, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, Tây Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
56. Anh Lê Quang M, sinh năm 1995; Trú tại: Xóm 7, xã Ân Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 7/2019, bị cáo Trần Văn C từ tỉnh Ninh Bình đến thuê căn nhà tại ấp Suối Muôn, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh để ở và mang theo 100.000.000 đồng để làm vốn cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo in tờ rơi quảng cáo có nội dung “Cho vay trả góp” và số điện thoại của mình là 0397.852.456 rồi đi rải ở khu vực đông dân cư trên địa bàn huyện Châu Thành, thị xã Hòa Thành và thành phố Tây Ninh. Khi có người liên hệ vay tiền sẽ gặp trực tiếp bị cáo để thỏa thuận về việc cho vay, hình thức là cho vay trả góp cả gốc lẫn lãi hằng ngày và giữ lại giấy tờ tùy thân. Sau đó, bị cáo Công sẽ ghi vào “Sổ thu tiền vay” thể hiện họ tên, địa chỉ người vay, số tiền vay, số ngày vay, số tiền trả góp mỗi ngày để theo dõi, quản lý. Khi nhận tiền góp, bị cáo đến nhà người vay hoặc điện thoại đến điểm hẹn để nhận. Nếu người vay tiền chậm trả hoặc không còn khả năng chi trả thì bị cáo điện thoại hoặc gặp trực tiếp để chửi bới, xúc phạm nhưng không dùng vũ lực.

Theo thỏa thuận, lãi suất cho vay là 360%/năm đối với thời hạn trả góp 25 ngày (tương đương 30%/tháng, gấp 18 lần mức lãi suất quy định); lãi suất 278,7%/năm đối với thời hạn trả góp 31 ngày (tương đương 23,225%/tháng, gấp 13,935 lần mức lãi suất quy định); lãi suất 201,9%/năm đối với thời hạn trả góp 41 ngày (tương đương 16,825%/tháng, gấp 10,095 lần mức lãi suất quy định). Từ khoảng tháng 7/2019 đến 16/02/2020, Trần Văn C đã cho 84 người vay 411 lượt với số tiền 1.942.500.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 266.247.161 đồng.

Đến khoảng 22 giờ ngày 16/02/2020, bị cáo Công điều khiển xe mô tô biển số 70G1-735.70 chở anh Lê Quang Minh đi rải tờ rơi “Cho vay trả góp” trên khu vực Quốc lộ 22B đoạn thuộc khu phố Hiệp Trường, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành thì bị lực lượng Công an phường Hiệp Tân phát hiện bắt giữ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Hòa Thành xử lý theo thẩm quyền. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở bị cáo Trần Văn Công thu giữ 02 cuốn sổ có ghi chép nội dung “Sổ thu tiền vay”; 6.659 tờ rơi ; 02 điện thoại di động, tiền Việt Nam 29.000.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 70G1-735.70, giấy mượn tiền (bản gốc và phô tô) cùng một số giấy tờ khác có liên quan.

Trên địa bàn thị xã Hòa Thành, thành phố Tây Ninh, huyện Châu Thành, huyện Bến Cầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh: Bị cáo Trần Văn C cho 55 người vay, 222 lượt vay với tổng số tiền 1.389.500.000 đồng, cụ thể:

1. Bà Võ Thị Gái T vay 10 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày x 200.000 đồng/ngày/lần vay (5.000.000 đồng góp thành 6.200.000 đồng, lãi suất 278,7%/năm, tương đương 23,225%/tháng, gấp 13,935 lần mức lãi suất quy định). Tiền theo quy định bà T phải trả cho bị cáo là 50.000.000 đồng tiền vốn và 425.799 đồng tiền lãi, tổng cộng là 50.425.799 đồng, bị cáo đã nhận là 30.600.000 đồng. Như vậy, bà T còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 19.825.799 đồng.

2. Bà Trang Thị Ph vay 20 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Tiền theo quy định bà Ph phải trả cho bị cáo là 82.000.000 đồng tiền vốn và 850.516 đồng tiền lãi, tổng cộng là 82.850.516 đồng, bị cáo đã nhận là 62.120.000 đồng. Như vậy, bà Ph phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 20.730.516 đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Ú vay 05 lần, mỗi lần từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày/lần vay. Tiền theo quy định bà Ú phải trả cho bị cáo là 60.000.000 đồng tiền vốn và 873.924 đồng tiền lãi, tổng cộng là 60.873.924 đồng, bị cáo đã nhận là 62.800.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho bà Ú số tiền là 1.926.076 đồng.

4. Chị Trương Thị Cẩm T vay 01 lần tiền vốn 2.000.000 đồng, góp 25 ngày mỗi ngày 100.000 đồng, (2.000.000 đồng góp thành 2.500.000 đồng, lãi suất 360%/năm, tương đương 30%/tháng, gấp 18 lần mức lãi suất quy định); Tiền theo quy định chị T phải trả cho bị cáo là 2.000.000 đồng tiền vốn và 12.243 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.012.243 đồng, bị cáo đã nhận là 1.100.000 đồng. Như vậy, chị T phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 912.243 đồng.

5. Bà Huỳnh Ngọc D vay 05 lần, mỗi lần từ 6.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng. Tiền theo quy định bà D phải trả cho bị cáo là 36.000.000 đồng tiền vốn và 416.665 đồng tiền lãi, tổng cộng là 36.416.665 đồng, bị cáo đã nhận là 30.100.000 đồng. Như vậy, bà D phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 6.316.665 đồng.

6. Chị Võ Thị Cẩm L vay 06 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị L phải trả cho bị cáo là 18.000.000 đồng tiền vốn và 205.410 đồng tiền lãi, tổng cộng là 18.205.410 đồng, bị cáo đã nhận là 18.450.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị L số tiền là 244.590 đồng.

7. Bà Huỳnh Thị B vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng, Tiền theo quy định bà B phải trả cho bị cáo là 15.000.000 đồng tiền vốn và 183.678 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.183.678 đồng, bị cáo đã nhận là 13.200.000 đồng. Như vậy, bà B còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 1.983.678 đồng.

8. Bà Phạm Thị L vay 15 lần, mỗi lần là 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Tiền theo quy định bà L phải trả cho bị cáo là 67.500.000 đồng tiền vốn và 887.750 đồng tiền lãi, tổng cộng là 68.387.750 đồng, bị cáo đã nhận là 63.800.000 đồng. Như vậy, bà L còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 4.587.750 đồng.

9. Chị Trần Gia M là con gái của bà Nguyễn Thị Đ, bà Đ lấy giấy căn cước công dân của chị để vay tiền của bị cáo. Bà Đ vay 03 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày, mỗi ngày 350.000 đồng. Tiền theo quy định bà Đ phải trả cho bị cáo 21.000.000 là đồng tiền vốn và 155.840 đồng tiền lãi, tổng cộng là 21.155.840 đồng, bị cáo đã nhận là 14.000.000 đồng. Như vậy, bà Đ còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 7.155.840 đồng. Nay bà Đ đã chết, bị cáo đồng ý xóa nợ cho bà Đ.

10. Bà Lê Thị D vay 01 lần 2.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày mỗi ngày 100.000 đồng. Tiền theo quy định bà D phải trả cho bị cáo là 2.000.000 đồng tiền vốn và 16.700 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.016.700 đồng, bị cáo đã nhận là 1.500.000 đồng. Như vậy, bà D còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 516.700 đồng.

11. Chị Ngô Thị Cẩm Ch vay 03 lần, mỗi lần 6.000.000 đồng và 01 lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày, tiền theo quy định chị Ch phải trả cho bị cáo là 23.000.000 đồng tiền vốn và 273.323 đồng tiền lãi, tổng cộng là 23.273.323 đồng, bị cáo đã nhận là 19.640.000 đồng. Như vậy, chị Ch còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 3.633.323 đồng.

12. Bà Nguyễn Thị H vay 03 lần, mỗi lần 6.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày/lần vay, mỗi ngày góp 240.000 đồng, Tiền theo quy định bà H phải trả cho bị cáo là 18.000.000 đồng tiền vốn và 274.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 18.274.000 đồng, bị cáo đã nhận là 19.680.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho bà H số tiền là 1.406.000 đồng.

13. Chị Đặng Thị Thảo A vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị A phải trả cho bị cáo là 17.000.000 đồng tiền vốn và 188.152 đồng tiền lãi, tổng cộng là 17.188.152 đồng, bị cáo đã nhận là 13.520.000 đồng. Như vậy, chị A còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 3.668.152 đồng.

14. Chị Phan Thị Oanh K vay 01 lần 6.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị K phải trả cho bị cáo là 6.000.000 đồng tiền vốn và 60.120 đồng tiền lãi, tổng cộng là 6.060.120 đồng, bị cáo đã nhận là 4.320.000 đồng. Như vậy, chị K còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 1.740.120 đồng.

15. Chị Nguyễn Thị Ngọc H vay 02 lần, mỗi lần 4.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, Tiền theo quy định chị H phải trả cho bị cáo là 8.000.000 đồng tiền vốn và 91.293 đồng tiền lãi, tổng cộng là 8.091.293 đồng, bị cáo đã nhận là 8.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị H số tiền là 108.707 đồng.

16. Chị Phạm Hồng H vay 05 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày, mỗi ngày 40.000 đồng, Tiền theo quy định chị H phải trả cho bị cáo là 5.000.000 đồng tiền vốn và 74.036 đồng tiền lãi, tổng cộng là 5.074.036 đồng, bị cáo đã nhận là 5.320.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị H số tiền là 245.964 đồng.

17. Chị Trần Kim Th vay 10 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng, Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 30.000.000 đồng tiền vốn và 240.480 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.240.480 đồng, bị cáo đã nhận là 21.600.000 đồng. Như vậy, chị Th còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 8.640.480 đồng.

18. Bà Huỳnh Thị Bé H vay 01 lần 4.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày, mỗi ngày 200.000 đồng. Tiền theo quy định bà H phải trả cho bị cáo là 4.000.000 đồng tiền vốn và 35.626 đồng tiền lãi, tổng cộng là 4.035.626 đồng, bị cáo đã nhận là 3.200.000 đồng. Như vậy, bà H còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 835.626 đồng.

19. Chị Võ Thị Lệ Th vay 02 lần, tổng cộng là 3.000.000 đồng. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 3.000.000 đồng tiền vốn và 22.266 đồng tiền lãi, tổng cộng là 3.022.266 đồng, bị cáo đã nhận là 2.000.000 đồng. Như vậy, chị Th còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 1.022.266 đồng.

20. Chị Trần Thị Cẩm H vay 04 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày, mỗi ngày 150.000 đồng. Tiền theo quy định chị H phải trả cho bị cáo là 12.000.000 đồng tiền vốn và 76.820 đồng tiền lãi, tổng cộng là 12.076.820 đồng, bị cáo đã nhận là 6.900.000 đồng. Như vậy, chị H còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 5.176.820 đồng.

21. Chị Nguyễn Thị Hoài Th vay 01 lần 4.000.000 đồng, thỏa thuận góp 200.000 đồng/ngày/25 ngày. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 4.000.000 đồng tiền vốn và 24.493 đồng tiền lãi, tổng cộng là 4.024.493 đồng, bị cáo đã nhận là 2.200.000 đồng. Như vậy, chị Th còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 1.824.493 đồng.

22. Chị Phạm Thị Kiều Ph vay 05 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng, thỏa thuận góp 280.000 đồng/ngày/31 ngày. Tiền theo quy định chị Ph phải trả cho bị cáo là 35.000.000 đồng tiền vốn và 518.257 đồng tiền lãi, tổng cộng là 35.518.257 đồng, bị cáo đã nhận là 37.240.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ph số tiền là 1.721.743 đồng.

23. Chị Lê Thu V vay 06 lần mỗi lần 10.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng, góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị V phải trả cho bị cáo là 63.000.000 đồng tiền vốn và 914.603 đồng tiền lãi, tổng cộng là 63.914.603 đồng, bị cáo đã nhận là 65.720.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị V số tiền là 1.805.397 đồng.

24. Bà Phạm Thị Đ vay 01 lần 10.000.000 đồng và 02 lần, mỗi lần 15.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định bà Đ phải trả cho bị cáo là 40.000.000 đồng tiền vốn và 598.416 đồng tiền lãi, tổng cộng là 40.598.416 đồng, bị cáo đã nhận là 43.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho bà Đ số tiền là 2.401.584 đồng.

25. Chị Nguyễn Thị L vay 01 lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 250.000 đồng/25 ngày. Tiền theo quy định chị L phải trả cho bị cáo là 5.000.000 đồng tiền vốn và 61.233 đồng tiền lãi, tổng cộng là 5.061.233 đồng, bị cáo đã nhận là 5.500.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị L số tiền là 438.767 đồng.

26. Chị Trương Ngọc Á vay 01 lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận 150.000 đồng/ngày/31 ngày. Tiền theo quy định chị Á phải trả cho bị cáo là 3.000.000 đồng tiền vốn và 31.730 đồng tiền lãi, tổng cộng là 3.031.730 đồng, bị cáo đã nhận là

2.850.000 đồng. Như vậy, chị Á còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 181.730 đồng.

27. Chị Trần Thị Mai Th vay 05 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 50.000.000 đồng tiền vốn và 862.833 đồng tiền lãi, tổng cộng là 50.862.833 đồng, bị cáo đã nhận là 62.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Th số tiền là 11.137.167 đồng.

28. Chị Ngô Thị Ngọc B vay 05 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng và 01 lần 4.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày. Tiền theo quy định chị B phải trả cho bị cáo là 29.000.000 đồng tiền vốn và 345.689 đồng tiền lãi, tổng cộng là 29.345.689 đồng, bị cáo đã nhận là 31.050.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị B số tiền là 1.704.311 đồng.

29. Chị Phan Thị Anh Th vay 05 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày, góp mỗi ngày 150.000 đồng. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 15.000.000 đồng tiền vốn và 180.360 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.180.360 đồng, bị cáo đã nhận là 16.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Th số tiền là 1.019.640 đồng.

30. Chị Võ Thị Mỹ Ch, vay 02 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày. Tiền theo quy định chị Ch phải trả cho bị cáo là 6.000.000 đồng tiền vốn và 71.810 đồng tiền lãi, tổng cộng là 6.071.810 đồng, bị cáo đã nhận là 6.450.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ch số tiền là 378.190 đồng.

31. Bà Hồ Thị Tuyết Tr vay 01 lần 5.000.000 đồng, góp 200.000 đồng/ngày/31 ngày. Tiền theo quy định bà Tr phải trả cho bị cáo là 5.000.000 đồng tiền vốn và 86.283 đồng tiền lãi, tổng cộng là 5.086.283 đồng, bị cáo đã nhận là 6.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ch số tiền là 1.113.717 đồng.

32. Bà Phạm Thị Thu T vay 05 lần, mỗi lần 4.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày. Tiền theo quy định bà T phải trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng tiền vốn và 236.027 đồng tiền lãi, tổng cộng là 20.236.027 đồng, bị cáo đã nhận là 21.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho bà T số tiền là 963.973 đồng.

33. Chị Đỗ Thị Linh Tr vay 01 lần 5.000.000 đồng; 01 lần 20.000.000 đồng và 02 lần 50.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Tr phải trả cho bị cáo là 125.000.000 đồng tiền vốn và 1.174.565 đồng tiền lãi, tổng cộng là 126.174.565 đồng, bị cáo đã nhận là 84.400.000 đồng. Như vậy, chị Tr còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 41.774.565 đồng.

34. Bà Bùi Thị D vay 05 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày. Tiền theo quy định bà D phải trả cho bị cáo là 25.000.000 đồng tiền vốn và 178.133 đồng tiền lãi, tổng cộng là 25.178.133 đồng, bị cáo đã nhận là 16.000.000 đồng. Như vậy, bà D còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 9.178.133 đồng.

35. Chị Ngô Tính N vay 01 lần 2.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị N phải trả cho bị cáo là 2.000.000 đồng tiền vốn và 17.813 đồng tiền lãi, tổng cộng 2.017.813 là đồng, bị cáo đã nhận là 1.280.000 đồng. Như vậy, chị N còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 737.813 đồng.

36. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ vay 08 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày. Tiền theo quy định bà Đ phải trả cho bị cáo là 16.000.000 đồng tiền vốn và 248.273 đồng tiền lãi, tổng cộng là 16.248.273 đồng, bị cáo đã nhận là 22.300.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho bà Đ số tiền là 6.051.727 đồng.

37. Chị Hà Thị Ng Vay 01 lần 3.000.000 đồng, thỏa thuận góp 25 ngày. Tiền theo quy định chị Ng phải trả cho bị cáo là 3.000.000 đồng tiền vốn và 41.750 đồng tiền lãi, tổng cộng là 3.041.750 đồng, bị cáo đã nhận là 3.750.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ng số tiền là 708.250 đồng.

38. Chị Nguyễn Thị Thanh T vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị T phải trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng tiền vốn và 172.566 đồng tiền lãi, tổng cộng là 10.172.566 đồng, bị cáo đã nhận là 12.400.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị T số tiền là 2.227.434 đồng.

39. Chị Phạm Thị Bích Th vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng tiền vốn và 167.000 đồng tiền lãi, tổng cộng là 10.167.000 đồng, bị cáo đã nhận là 12.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Th số tiền là 1.833.000 đồng.

40. Chị Nguyễn Thị Kim H vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị H phải trả cho bị cáo là 15.000.000 đồng tiền vốn và 186.483 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.186.483 đồng, bị cáo đã nhận là 13.400.000 đồng. Như vậy, chị H còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 1.786.483 đồng.

41. Chị Đặng Thị Y vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng; vay 02 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng và vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Y phải trả cho bị cáo là 36.000.000 đồng tiền vốn và 548.872 đồng tiền lãi, tổng cộng là 36.548.872 đồng, bị cáo đã nhận là 39.440.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Y số tiền là 2.891.128 đồng.

42. Chị Phạm Thị Ng vay 01 lần 5.000.000 đồng và 05 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Ng phải trả cho bị cáo là 55.000.000 đồng tiền vốn và 949.116 đồng tiền lãi, tổng cộng là 55.949.116 đồng, bị cáo đã nhận là 68.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ng số tiền là 12.250.884 đồng.

43. Chị Đặng Thị Thanh H vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị H phải trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng tiền vốn và 86.283 đồng tiền lãi, tổng cộng là 10.086.283 đồng, bị cáo đã nhận là

6.200.000 đồng. Như vậy, chị H còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 3.886.283 đồng.

44. Chị Nguyễn Thị Thu L vay 06 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị L phải trả cho bị cáo là 30.000.000 đồng tiền vốn và 467.600 đồng tiền lãi, tổng cộng là 30.467.600 đồng, bị cáo đã nhận là 33.600.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị L số tiền là 3.132.400 đồng.

45. Chị Nguyễn Thị Ph vay 01 lần số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Ph phải trả cho bị cáo là 5.000.000 đồng tiền vốn và 86.283 đồng tiền lãi, tổng cộng là 5.086.283 đồng, bị cáo đã nhận là 6.200.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ph số tiền là 1.113.717 đồng.

46. Chị Đặng Thị H vay 06 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng; vay 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng và 09 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng. thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị H phải trả cho bị cáo là 107.000.000 đồng tiền vốn và 1.609.880 đồng tiền lãi, tổng cộng là 108.609.880 đồng, bị cáo đã nhận là 115.680.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị H số tiền là 7.070.120 đồng.

47. Chị Nguyễn Thị Thu V vay 03 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng và 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng. thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị V phải trả cho bị cáo là 21.000.000 đồng tiền vốn và 362.388 đồng tiền lãi, tổng cộng là 21.362.388 đồng, bị cáo đã nhận là 26.040.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị V số tiền là 4.677.612 đồng.

48. Chị Lê Thị Ngọc L vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị L phải trả cho bị cáo là 15.000.000 đồng tiền vốn và 222.666 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.222.666 đồng, bị cáo đã nhận là 16.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị L số tiền là 777.334 đồng.

49. Chị Đặng Thị Ph vay 04 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Ph phải trả cho bị cáo là 20.000.000 đồng tiền vốn và 345.133 đồng tiền lãi, tổng cộng là 20.345.133 đồng, bị cáo đã nhận là 24.800.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho chị Ph số tiền là 4.454.867 đồng.

50. Chị Phạm Thị Trúc Th vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng tiền vốn và 136.383 đồng tiền lãi, tổng cộng là 10.136.383 đồng, bị cáo đã nhận là 9.800.000 đồng. Như vậy, chị Th còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 336.383 đồng.

51. Chị Nguyễn Thị M vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị M phải trả cho bị cáo là 10.000.000 đồng tiền vốn và 72.366 đồng tiền lãi, tổng cộng là 10.072.366 đồng, bị cáo đã nhận là 5.200.000 đồng. Như vậy, chị M còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 4.872.366 đồng.

52. Chị Phan Tường D vay 03 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị D phải trả cho bị cáo là 15.000.000 đồng tiền vốn

và 172.566 đồng tiền lãi, tổng cộng là 15.172.566 đồng, bị cáo đã nhận là 12.400.000 đồng. Như vậy, chị D còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 2.772.566 đồng.

53. Chị Bùi Thị Hồng Ph vay 07 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Ph phải trả cho bị cáo là 35.000.000 đồng tiền vốn và 389.666 đồng tiền lãi, tổng cộng là 35.389.666 đồng, bị cáo đã nhận là 28.000.000 đồng. Như vậy, chị Ph còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 7.389.666 đồng.

54. Chị Lê Thị Bích Th vay 05 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng; vay 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng và 01 lần 3.000.000 đồng. thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định chị Th phải trả cho bị cáo là 58.000.000 đồng tiền vốn và 592.292 đồng tiền lãi, tổng cộng là 58.592.292 đồng, bị cáo đã nhận là 42.560.000 đồng. Như vậy, chị Th còn phải trả cho bị cáo tiền vốn vay còn nợ là 16.032.292 đồng.

55. Bà Lê Thị R vay 01 lần 2.000.000 đồng, thỏa thuận góp 31 ngày. Tiền theo quy định bà R phải trả cho bị cáo là 2.000.000 đồng tiền vốn và 23.379 đồng tiền lãi, tổng cộng là 2.023.379 đồng, bị cáo đã nhận là 2.100.000 đồng. Như vậy, bị cáo phải hoàn trả cho bà R số tiền là 76.621 đồng.

- Ngoài ra còn 29 người vay không rõ nhân thân, địa chỉ nên khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Qua xác minh, bị cáo Trần Văn C không có tài sản nên không kê biên.

Đối với Lê Quang M chỉ giúp bị cáo C rải tờ rơi ngày 16/02/2020, không hưởng lợi nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKSND.HT ngày 02/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo Khoản 2, Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố bị cáo Trần Văn C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 2 Điều 201, Điểm i, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thị xã Hòa Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhân chứng khai tại Cơ quan điều tra; phù hợp với vật chứng cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng tháng 7/2019, bị cáo C mang theo 100.000.000 đồng từ tỉnh Ninh Bình đến thuê nhà tại ấp Suối Muôn, xã Thái Bình, huyện Châu Thành để làm vốn cho nhiều người vay tiền với lãi suất cao nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo in tờ rơi quảng cáo đi rải ở khu vực đông dân cư trên địa bàn các huyện Châu Thành, thị xã Hòa Thành, huyện Gò Dầu và thành phố Tây Ninh. Khi có người liên hệ vay tiền sẽ gặp trực tiếp bị cáo để thỏa thuận về việc cho vay, hình thức là cho vay trả góp cả gốc lẫn lãi hằng ngày và giữ lại giấy tờ tùy thân. Bị cáo thỏa thuận, lãi suất cho vay là 360%/năm đối với thời hạn trả góp 25 ngày (tương đương 30%/tháng, gấp 18 lần mức lãi suất quy định); lãi suất 278,7%/năm đối với thời hạn trả góp 31 ngày (tương đương 23,225%/tháng, gấp 13,935 lần mức lãi suất quy định); lãi suất 201,9%/năm đối với thời hạn trả góp 41 ngày (tương đương 16,825%/tháng, gấp 10,095 lần mức lãi suất quy định). Từ khoảng tháng 7/2019 đến 16/02/2020, bị cáo Trần Văn C đã cho 84 người vay 411 lượt với số tiền 1.942.500.000 đồng, thu lợi bất chính tổng số tiền 266.247.161 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Hòa Thành truy tố bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình chính trị tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên, là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật cấm, nhưng vì chủ quan, xem thường pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần phải xử nghiêm bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được quy định tại Điểm i, s Khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Theo Kết luận của Bệnh Viện Đa Khoa Tây Ninh ngày 16/6/21020 chuẩn đoán bị cáo đang bị bệnh “Biến đổi khác của hệ tiết niệu (nhiễm trùng tiểu dưới)” nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần nào cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo được điều trị bệnh.

[5]. Các biện pháp tư pháp:

Chị Trang Thị Ph, bà Huỳnh Ngọc D, bà Huỳnh Thị B, chị Ngô Thị Cẩm Ch và chị Phan Thị Oanh K có yêu cầu nhận lại tiền lãi đã đóng cao so với quy định nhưng sau khi khấu trừ số tiền đã trả vẫn còn nợ lại bị cáo, nên số tiền phải trả cho bị cáo những người này phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Chị Võ Thị Cẩm L đã đóng vượt quy định số tiền 244.590 đồng; Bà Nguyễn Thị H đã đóng vượt quy định số tiền là 1.406.000 đồng; Bà Phạm Thị Đ đã đóng vượt quy định số tiền là 2.401.584 đồng; Bà Phan Thị Anh Th đã đóng vượt quy định số tiền là 1.019.640 đồng và bà Võ Thị Mỹ Ch đã đóng vượt quy định số tiền là 378.190 đồng. Những người này có yêu cầu nhận lại nên cần buộc bị cáo phải trả lại là phù hợp.

Những người vay còn lại đã đóng vượt quy định tổng cộng là 68.430.916 đồng, không yêu cầu bị cáo trả lại nên số tiền này cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Những người vay còn nợ lại bị cáo tổng số tiền là 170.362.911 đồng, số tiền này là sử dụng vào việc giao dịch trái quy định nên những người vay này phải nộp lại để sung vào ngân sách nhà nước.

Tổng số tiền lãi theo quy định bị cáo được phép nhận là 17.547.831 đồng, cần buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Vật chứng thu giữ:

- Tiền Việt Nam: 29.000.000 đồng bị cáo khai do thực hiện việc cho vay lãi nặng có được, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) xe mô tô biển số 70G1-735.70, số khung: RLHJA3917KY325909; số máy: JA39E1190884, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053346, biển số 70G1-735.70, mang tên Ngô Quốc Việt, là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: TA-1010, imel: 354185100219881, đã qua sử dụng có gắn 01 sim Viettel có số seri: 8984048000022801486 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, số seri 1: 866056041882577, số seri 2: 866056041882569, đã qua sử dụng, có gắn 1 sim Viettel có số seri: 8984048000035585394; 01 sim vinaphone có số seri: 89840200010922939699 là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 670 tờ rơi quảng cáo cho vay và 5989 tờ rơi “Cho vay trả góp” là công cụ thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 164476374, mang tên Trần Văn Công cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, Model: A1784; đã qua sử dụng, có gắn sim Viettel có số seri: 8984048008810210922; số imei: 359153078912775, là tài sản của anh Lê Quang M không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho anh M.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn C (Văn) phạm tội: “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Căn cứ vào Khoản 2, Điều 201; Điểm i, s, khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn C (Văn) 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/02/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo trả lại số tiền đã nhận vượt so với quy định cho những người vay gồm:

Chị Võ Thị Cẩm L số tiền 244.590 đồng;

Bà Nguyễn Thị H số tiền là 1.406.000 đồng;

Bà Phạm Thị Đ số tiền là 2.401.584 đồng;

Bà Phan Thị Anh Th số tiền là 1.019.640 đồng;

Bà Võ Thị Mỹ Ch số tiền là 378.190 đồng.

3. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền những người vay đã đóng vượt quy định không nhận lại là 68.430.916 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc người vay còn nợ lại bị cáo phải nộp lại số tiền phải trả sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

Bà Võ Thị Gái T phải nộp lại số tiền 19.825.799 đồng;

Bà Trang Thị Ph phải nộp lại số tiền 20.730.516 đồng;

Chị Trương Thị Cẩm T phải nộp lại số tiền 912.243 đồng;

Chị Huỳnh Ngọc D nộp lại số tiền 6.316.665 đồng;

Bà Huỳnh Thị B phải nộp lại số tiền 1.983.678 đồng;

Bà Phạm Thị L phải nộp lại số tiền 4.587.750 đồng;

Chị Lê Thị D phải nộp lại số tiền 516.700 đồng;

Chị Ngô Thị Cẩm Ch phải nộp lại số tiền 3.633.323 đồng;

Chị Đặng Thị Thảo A phải nộp lại số tiền 3.668.152 đồng;

Chị Phan Thị Oanh K phải nộp lại số tiền 1.740.120 đồng;

Chị Trần Kim Th phải nộp lại số tiền 8.640.480 đồng;

Bà Huỳnh Thị Bé H phải nộp lại số tiền 835.626 đồng;

Chị Võ Thị Lệ Th phải nộp lại số tiền 1.022.266 đồng;
Chị Trần Thị Cẩm H phải nộp lại số tiền 5.176.820 đồng;
Chị Nguyễn Thị Hoài Th phải nộp lại số tiền 1.824.493 đồng;
Chị Trương Ngọc Á phải nộp lại số tiền 181.730 đồng;
Chị Đỗ Thị Linh Tr phải nộp lại số tiền 41.774.565 đồng;
Bà Bùi Thị D phải nộp lại số tiền 9.178.133 đồng;
Chị Ngô Tính N phải nộp lại số tiền 737.813 đồng;
Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp lại số tiền 1.786.483 đồng;
Chị Đặng Thị Thanh H phải nộp lại số tiền 3.886.283 đồng;
Chị Phạm Thị Trúc Th phải nộp lại số tiền 336.383 đồng;
Chị Nguyễn Thị M phải nộp lại số tiền 4.872.266 đồng;
Chị Phan Tường D phải nộp 2.772.566 đồng;
Chị Bùi Thị Hồng Ph phải nộp lại số tiền 7.389.666 đồng;
Chị Lê Thị Bích Th phải nộp lại số tiền 16.032.292 đồng.

- Buộc bị cáo nộp lại số tiền lãi theo quy định bị cáo được phép nhận là 17.547.831 đồng sung vào ngân sách nhà nước.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm:

+ Tiền Việt Nam 29.000.000 đồng.

+ 01 (Một) xe mô tô biển số 70G1-735.70, số khung: RLHJA3917KY325909; số máy: JA39E1190884, đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 053346, biển số 70G1-735.70, mang tên Ngô Quốc Việt.

+ 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, model: TA-1010, imel: 354185100219881, đã qua sử dụng có gắn 01 sim Viettel có số seri: 8984048000022801486 và 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ, số seri 1: 866056041882577, số seri 2: 866056041882569, đã qua sử dụng, có gắn 1 sim Viettel có số seri: 8984048000035585394; 01 sim vinaphone có số seri: 89840200010922939699.

Tịch thu tiêu hủy 670 tờ rơi quảng cáo cho vay và 5989 tờ rơi “Cho vay trả góp”.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 164476374, mang tên Trần Văn C.

Trả lại cho anh Lê Quang M 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng, Model: A1784; đã qua sử dụng, có gắn sim Viettel có số seri: 8984048008810210922; số imei: 359153078912775.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự.

Án hình sự sơ thẩm xử công khai báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tư pháp Tây Ninh;
- VKSND Thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS TX.Hòa Thành;
- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ;
- UBND xã Ân Hòa, h. Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Dương Thị Ánh Nhung